**Tiếng Việt CHỦ ĐỀ 4: ĐIỀU EM CẦN BIẾT**

 **BÀI 1: RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN (Tiết 1, 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc với các bạn trong nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đọc, viết đúng yêu cầu.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một văn bản thông tin ngắn và đơn giản

+ Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong bài đọc.

+ Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của văn bản và nội dung được thể hiện trong tranh.

- Năng lực văn học:

+ Hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; nhận biết được trình tự của các sự việc trong VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát

**\* HSKT: Đọc được một số từ ngữ và câu đơn giản, ngắn gọn trong bài; Viết được từ ngữ trong vở tập viết**

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có hứng thú và ham thích học bài.

- Trách nhiệm: Quý trọng bản thân và ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Gv : Máy tính , giáo án powerpoint;

Hs :, Sách tiếng Việt HS, vở tập viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  |
| GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi . a. Vì sao các bạn phải rửa tay? b. Em thường rửa tay khi nào?  GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc Rửa tay trước khi đi | HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi- Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nểu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác |
| **2. Đọc**  |
| - GV đọc mẫu toàn VB. HS đọc câu + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS như vi trùng , xà phòng, phòng bệnh, vước sạch. + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: Tay cầm thức ăn, vi trùng tự tay theo thức ăn đi vào cơ thể để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay trước khi ăn) HS đọc đoạn+ GV chia VB thành 2 đoạn ( đoạn 1: từ đầu đến mắc bệnh; đoạn 2: phần còn lại ). + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài vi trùng: sinh vật rất nhỏ, có khả năng gây bệnh; tiếp xúc: chạm vào nhau (dùng cử chỉ mình hoạ); mắc bệnh: bị một bệnh nào đó; phòng bệnh; ngăn ngừa để không bị bệnh). + HS đọc đoạn theo nhóm. HS và GV đọc toàn VB, + GV đọc lại toàn VB  | HS đọc câu HS đọc đoạn1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi**  |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a. Vi trùng đi vào cơ thể con người bằng cách nào ? b. Để phòng bệnh , chúng ta phải làm gì ? c. Cẩn rửa tay như thế nào cho đúng ? GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời , Các nhóm khác nhận xét , đánh giá . -GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cần)  | HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi- Vì trùng đi vào cơ thể con người qua thức ăn- Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ănHS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh, minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**  |
| GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát và hướng dẫn - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu, đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí. - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  | HS viết câu trả lời vào vở (Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ăn).  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY ( NẾU CÓ)**

………………………………………………………….............................